

**CÔNG TY TNHH LƯU KANG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LƯU KANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUU KANG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LUUKANG CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110772714

**3. Ngày thành lập:** 03/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 31 Phan Văn Trường, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988977548

Fax:

Email: [huongluu.work@gmail.com](mailto:huongluu.work@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610        |
| 2.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2750        |
| 3.  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2813        |
| 4.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3311        |
| 5.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3312        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3313        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3314        |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3319        |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3320        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330        |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết : - Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc - Thử độ ẩm và các công việc thử nước - Chống ẩm các tòa nhà + Chôn chân trụ + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất + Uốn thép + Xây gạch và đặt đá + Lợp mái bao phủ tòa nhà + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng | 4390        |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4659(Chính) |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                             | 4669 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>Loại trừ: Hoạt động đấu giá, hoạt động Nhà nước cấm                                                                                                                      | 4690 |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                            | 4719 |
| 20. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4752 |
| 21. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4753 |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                   | 4774 |
| 23. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                     | 4799 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ dịch vụ báo cáo Tòa án và hoạt động đấu giá độc lập) | 8299 |
| 25. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                 | 4530 |
| 26. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                              | 4543 |
| 27. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                | 4631 |
| 28. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                            | 4632 |
| 29. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                          | 4641 |
| 30. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Loại trừ bán buôn dược phẩm)                                                                                                                           | 4649 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                          | 4933 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LƯU THỊ THU HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 26/02/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C2787695

Ngày cấp: 03/02/2017

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú: Số 26c Hàng Đường, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 26c Hàng Đường, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU THỊ THU HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/02/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C2787695

Ngày cấp: 03/02/2017

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú: Số 26c Hàng Đường, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 26c Hàng Đường, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội